

Thứ sáu, ngày 31 tháng 7 năm 2020

Vietnam Daily Review

VN30 tái cơ cấu, thanh khoản thị trường vẫn ở mức thấp

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 3/8/2020		•	
Tuần 3/8-7/8/2020		•	
Tháng 8/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Số ca mắc bệnh COVID-19 tăng thêm 45 ca lên mức 509 ca tại chiều ngày 31/07. Dòng tiền đầu tư suy giảm so với phiên trước khi chỉ có 04/19 nhóm ngành tăng điểm trong phiên. Khối ngoại đã quay trở lại bán ròng trên HSX và mua ròng trên HNX. Thanh khoản thị trường tăng so với phiên trước nhưng vẫn ở mức thấp, độ rộng thị trường tiêu cực và biên độ thị trường nở rộng đang phản ánh xu hướng giao dịch giằng co. Phiên cơ cấu lại VN30 cũng không gây ảnh hưởng mạnh cho thị trường khi đa phần nhà đầu tư vẫn đang cân trọng xem xét tình hình dịch bệnh COVID-19.

Hợp đồng tương lai: Tất cả các HĐTL đều giảm điểm đồng thuận với xu hướng chung của chỉ số. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 740 điểm cho tất cả các hợp đồng.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 31/7/2020, chứng quyền và chứng khoán cơ sở đa số đóng cửa trong sắc đỏ. Giá trị giao dịch không thay đổi nhiều so với phiên hôm trước.

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest:

Danh mục đáng chú ý trong ngày: **Theme_Ngành Dược_0.9%**

Phân tích kỹ thuật: SNZ_Tín hiệu tích cực (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **-2.74** điểm, đóng cửa **798.39** điểm. HNX-Index **-0.59** điểm, đóng cửa **107.51** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VIC(+2.31)**; **VHM(+1.05)**; **NVL(+0.28)**; **MSN(+0.23)**; **APH(+0.13)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VCB(-1.05)**; **VNM(-0.99)**; **BID(-0.63)**; **VRE(-0.56)**; **TCB(-0.45)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 3,177 tỷ đồng, tăng +25.5% so với phiên trước.
- Biên độ dao động là 16.57 điểm, nở rộng so với phiên liền trước. Thị trường có 115 mã tăng, 60 mã tham chiếu và 255 mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-129.55** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **KDH (-49.7 tỷ)**, **MSN (-24.6 tỷ)** và **VIC (-21.9 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị 4.54 tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nguyễn Tiến Đức

ducnt@bsc.com.vn

Nhóm Phân tích định lượng- i-Invest

Đỗ Nam Tùng

tungdn@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX 798.39Giá trị: 3177.88 tỷ **-2.74 (-0.34%)**

Khối ngoại (ròng): -129.55 tỷ

HNX-INDEX 107.51Giá trị: 623.32 tỷ **-0.59 (-0.55%)**

Khối ngoại (ròng): 4.54 tỷ

UPCOM-INDEX 54.80Giá trị: 0.22 tỷ **-0.06 (-0.11%)**

Khối ngoại(ròng): 6.1 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	40.3	0.88%
Giá vàng	1,976	1.00%
Tỷ giá USD/VND	23,181	0.06%
Tỷ giá EUR/VND	27,541	0.72%
Tỷ giá JPY/VND	22,112	-0.04%
LS liên NH 1 tháng	0.5%	42.31%
LS TPCP 5 năm	1.9%	-1.22%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VNM	27.5	KDH	49.7
VHM	23.2	MSN	24.6
PHR	15.7	VIC	21.9
NVL	15.0	SAB	21.7
BVH	3.9	VRE	21.4

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu hàng hóa	Trang 3
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 4
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 5
Thị trường phái sinh	Trang 6
Câu chuyện cuối tuần	Trang 7
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 8
Thống kê thị trường	Trang 9
Khuyến nghị dài hạn	Trang 10
Báo cáo mới nhất	Trang 11
iBroker	Trang 12
Khuyến cáo sử dụng	Trang 13

* Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Ngành Dược_0.9%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						Độ lệch chuẩn
	Ngày	Tuần	Tháng	Quý	Nửa năm	Năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	4/25 danh mục Chủ đề có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
Ngành Dược	0.9%	2.3%	6.8%	6.8%	6.8%	-2.1%	18.6%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	0.0%	-4.7%	-3.7%	-3.7%	-3.7%	0.5%	15.8%
FTSE Việt Nam	-0.1%	-2.2%	-1.8%	-1.8%	-1.8%	-12.3%	17.3%
MSCI frontier 100 Việt Nam	-0.2%	-2.9%	-2.2%	-2.2%	-2.2%	-14.5%	16.3%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	-0.4%	-3.2%	-2.5%	-2.5%	-2.5%	-14.6%	18.5%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	-0.4%	-4.5%	-4.5%	-4.5%	-4.5%	-19.6%	22.0%
Nước & Năng lượng	-0.5%	-3.2%	0.9%	0.9%	0.9%	-9.7%	17.3%
Vật liệu Xây dựng	-0.6%	-3.2%	-2.8%	-2.8%	-2.8%	-4.7%	21.1%
Dầu khí	-0.7%	-6.6%	-9.4%	-9.4%	-9.4%	-30.8%	26.0%
Ngân Hàng	-0.8%	-5.0%	-2.8%	-2.8%	-2.8%	-11.2%	23.2%
Chiến tranh thương mại	-0.8%	-2.0%	-0.9%	-0.9%	-0.9%	-12.9%	19.1%
Lãi suất giảm	-0.9%	-5.4%	-3.7%	-3.7%	-3.7%	-6.6%	20.3%
Corona Avengers	-1.0%	-5.6%	-5.7%	-5.7%	-5.7%	-10.1%	22.5%
Cổ phiếu hết room ngoại	-1.0%	-4.3%	-3.5%	-3.5%	-3.5%	-17.6%	20.0%
VN Diamond	-1.0%	-4.9%	-4.6%	-4.6%	-4.6%	-20.6%	20.2%
Xây dựng	-1.1%	-6.6%	-2.3%	-2.3%	-2.3%	-9.6%	20.1%
Đầu tư công	-1.1%	-4.3%	-2.9%	-2.9%	-2.9%	-8.4%	20.6%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	-1.2%	-5.4%	-4.3%	-4.3%	-4.3%	-14.9%	21.5%
Top 10 cổ phiếu VN30	-1.2%	-5.6%	-4.1%	-4.1%	-4.1%	-21.2%	17.2%
VN FinSelect	-1.2%	-5.1%	-4.5%	-4.5%	-4.5%	-14.4%	20.0%
Bất động sản Khu công nghiệp	-1.3%	-4.0%	1.8%	1.8%	1.8%	2.6%	26.5%
Bảo hiểm & Chứng khoán	-1.3%	-4.1%	-4.7%	-4.7%	-4.7%	-10.3%	22.7%
Stay-at-home	-1.3%	-4.1%	-3.9%	-3.9%	-3.9%	0.5%	18.3%
Hàng tiêu dùng	-1.5%	-4.8%	-5.8%	-5.8%	-5.8%	-9.3%	20.8%
BĐS & Khu công nghiệp	-1.5%	-3.3%	-0.4%	-0.4%	-0.4%	-9.9%	17.9%
Mục tiêu	3/9 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
L22	0.3%	-3.9%	-5.1%	-5.1%	-5.1%	-14.7%	20.7%
L32	0.0%	-3.7%	-0.8%	-0.8%	-0.8%	-12.4%	21.6%
S21	-0.1%	-3.9%	-5.1%	-5.1%	-5.1%	-16.5%	20.3%
S32	-0.4%	-5.5%	-6.6%	-6.6%	-6.6%	-23.8%	23.1%
M31	-0.7%	-4.5%	-3.4%	-3.4%	-3.4%	-14.2%	21.9%
M22	-0.8%	-3.8%	-3.0%	-3.0%	-3.0%	-8.3%	19.2%
M12	-0.9%	-5.0%	-5.2%	-5.2%	-5.2%	-14.6%	20.3%
L11	-1.0%	-4.1%	-3.1%	-3.1%	-3.1%	-12.9%	18.1%
S11	-1.4%	-3.9%	-3.4%	-3.4%	-3.4%	-5.4%	
Khẩu vị Rủi ro	0/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
HIGH3	-0.5%	-4.1%	-3.1%	-3.1%	-3.1%	-7.7%	19.8%
MID1	-1.0%	-3.4%	-2.8%	-2.8%	-2.8%	-2.4%	17.9%
LOW1	-1.2%	-4.1%	-3.6%	-3.6%	-3.6%	-11.4%	17.6%
INDEX							
VNINDEX	-0.3%	-3.7%	-3.2%	-3.2%	-3.2%	-16.9%	17.3%
VN30INDEX	-0.7%	-4.1%	-3.9%	-3.9%	-3.9%	-15.7%	17.9%

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu thật theo đúng kỳ tái cân bằng của danh mục.

Tham chiếu chỉ số VNINDEX

Danh mục	Tổng số	Ngày		Tuần		Tháng	
		Thắng	Thua	Thắng	Thua	Thắng	Thua
Chủ đề	25	4	21	8	17	12	13
Mục tiêu	9	3	6	1	8	3	6
Rủi ro	3	0	3	1	2	2	1

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:
Vũ Quốc Khánh

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>
khanhvq@bsc.com.vn

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 31/7

*Mặt hàng	ĐVT	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	40.31	0.98%	-2.40%	2.50%	-22.60%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	43.34	0.93%	0.00%	3.10%	-23.48%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USDcent/gallon	123.04	0.82%	-4.20%	2.40%	-26.11%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1968.50	0.61%	3.50%	11.20%	29.82%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	23.65	0.67%	3.90%	31.30%	37.39%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	892.50	0.48%	-0.80%	1.20%	-3.83%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	531.00	0.28%	-1.60%	8.00%	4.32%		AFX
Sữa	USD /cwt	24.54	0.49%	0.50%	10.50%	45.55%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	154.55	-0.55%	3.80%	8.20%		DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	12.11	0.83%	2.90%	2.90%	-11.48%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	115.35	3.36%	7.30%	15.20%	1.50%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/ton	6430.50	-0.67%	-1.70%	6.90%	9.01%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	USD/ton	540.38	0.59%	0.60%	7.30%		HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1720.00	-0.29%	1.10%	6.20%	-3.37%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	120.56	0.77%	1.80%	15.00%		HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	61.90	0.41%	-2.30%	2.70%	-22.38%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Chốt phiên 30/7, dầu WTI đóng cửa giảm 1,35 USD hay 3,3% xuống 39,92 USD/thùng sau khi giảm 5% trong đầu phiên giao dịch. Dầu thô Brent giảm 81 US cent hay 1,9% xuống 42,94 USD/thùng.

Giá vàng

- Vàng giao ngay giảm 0,9% xuống 1.952,3 USD/ounce, mất chuỗi tăng dài nhất kể từ tháng 12/2017. Vàng Mỹ kỳ hạn tháng 8 đóng cửa giảm 0,6% xuống 1.942,3 USD.
- Vàng đã giao dịch gần mức kỷ lục 1.980,57 USD/ounce trong phiên trước sau khi Cục dự trữ liên bang Mỹ giữ lãi suất không đổi, trong khi cam kết sử dụng đầy đủ các công cụ của mình miễn là cần thiết để phục hồi sau đại dịch.

Giá sắt thép

- Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 9 trên sàn giao dịch hàng hóa Đại Liên tăng phiên thứ 3 liên tiếp, tăng 1% lên 840 CNY (119,91 USD)/tấn.
- Thép thanh giao tháng 10 tăng 0,5% lên 3.767 CNY/tấn trên sàn giao dịch kỳ hạn Thượng Hải. Thép cuộn cán nóng đóng cửa tăng 1,1% lên 3.819 CNY/tấn.

Giá cao su

- Hợp đồng cao su trên sàn giao dịch Osaka (OSE) đóng cửa tăng 3,4 JPY hay 2,1% lên 164,8 JPY (1,57 USD)/kg. Trong đầu phiên giá đã đạt mức cao nhất kể từ ngày 8/6 tại 166,1 JPY.
- Hợp đồng cao su kỳ hạn tháng 9 trên sàn giao dịch kỳ hạn Thượng Hải tăng 140 JPY lên 10.885 CNY (1.554 USD)/tấn. Trước đó trong phiên giá đã đạt 11.145 JPY, cao nhất kể từ ngày 5/3.

Giá nông sản

- Cà phê arabica kỳ hạn tháng 9 tăng 3,75 US cent lên 1.1535 USD/lb, đạt cao nhất kể từ giữa tháng 4. Arabia được hưởng lợi từ đồng real của Brazil mạnh lên và lo ngại rằng việc phong tỏa và giá thấp có thể gây thiệt hại cho sản lượng của Trung Mỹ.
- Đường thô kỳ hạn tháng 10 tăng 0,1 US cent lên 12,11 US cent/lb, sau khi đạt đỉnh 12,27 US cent trong ngày 28/7, cao nhất kể từ ngày 8/7. Các đại lý cho biết đường được lợi từ lo lắng về sản lượng đang giảm tại Thái Lan, nhà xuất khẩu đường lớn thứ 2 thế giới.
- Gạo đỏ 5% tấm của Ấn Độ được chào bán ở mức giá 380 – 385 USD/tấn trong tuần này tăng từ 377 – 382 USD/tấn trong tuần trước. Gạo 5% tấm của Thái Lan tăng lên 465 – 483 USD/tấn trong ngày 30/7 từ 450 – 482 USD một tuần trước do đồng baht mạnh hơn so với USD. Tại Việt Nam, gạo 5% có giá không đổi so với một tuần trước từ 440 – 450 USD/tấn.

	31/7	% 31/7	30/7	% 30/7	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	798.39	-0.34%	801.13	1.30%	-3.71%	-5.35%
S&P 500			3,246.22	-0.38%	0.33%	6.32%
S&P500 Futures	3,258.50	0.30%	3,248.75	-0.12%	1.70%	5.44%
Shang- hai	3,310.01	0.71%	3,286.82	-0.23%	3.54%	9.39%
Euro Stoxx	3,228.06	0.62%	3,208.20	-2.79%	-2.50%	-0.01%

Phân tích kỹ thuật

SNZ_Tín hiệu tích cực

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá.
- Chỉ báo xu hướng MACD: Xuất hiện Golden Cross.
- Chỉ báo RSI: Tăng dần trên giá trị 50 và chưa đi vào vùng quá mua.
- Đường MA: EMA12 ở trên EMA26.

Nhận định: SNZ đang ở trong trạng thái tăng giá ngắn hạn sau khi có sự điều chỉnh vào phiên Thứ Sáu tuần trước. Thanh khoản cổ phiếu trong những phiên gần đây vẫn đang duy trì giá trị ổn định. Các chỉ báo kỹ thuật hiện đều đang ở trong trạng thái tích cực. Hôm nay, chỉ báo MACD vừa xuất hiện Golden Cross đồng thời chỉ báo động lượng RSI vẫn còn cách khá xa vùng quá mua nên cổ phiếu có thể duy trì đà tăng trong những phiên tới. Ngưỡng hỗ trợ gần nhất của SNZ nằm tại khu vực 24-24.5. Mục tiêu chốt lãi của cổ phiếu nằm tại xung quanh giá 27.5, cắt lỗ nếu ngưỡng 22.5 bị xuyên thủng.



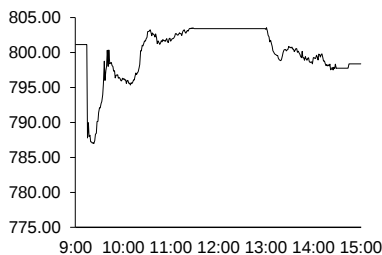
Nguồn: BSC, PTKT Itrade

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Hình 1

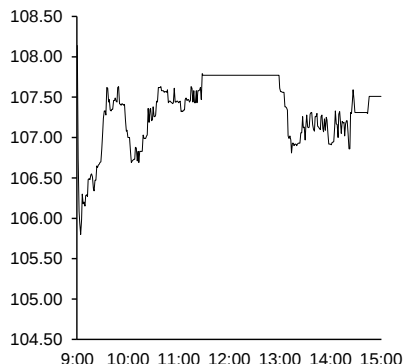
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Viễn thông	-8.33%
Tài nguyên Cơ bản	-1.70%
Truyền thông	-1.59%
Du lịch và Giải trí	-1.35%
Dịch vụ tài chính	-1.26%
Công nghệ Thông tin	-1.25%
Ngân hàng	-1.21%
Thực phẩm và đồ uống	-0.94%
Hóa chất	-0.71%
Xây dựng và Vật liệu	-0.61%
Bảo hiểm	-0.41%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.38%
Dầu khí	-0.24%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.13%
Bán lẻ	-0.03%
Y tế	0.48%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.63%
Bất động sản	1.17%
Ô tô và phụ tùng	1.82%

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

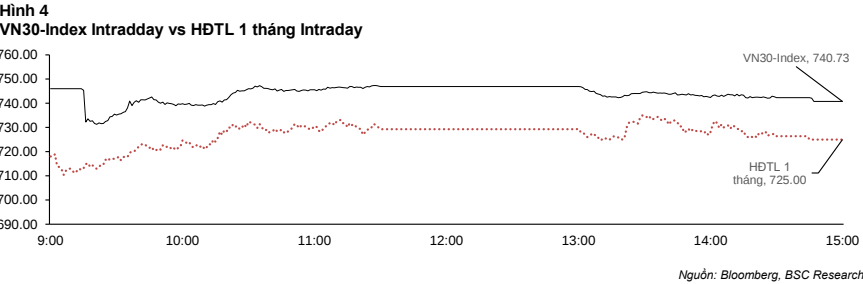
Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
7/30/2020	VSC	30.9	35	27.5	31.3	1	1.29%	Có thể tiếp tục mua
7/29/2020	NRC	11.8	15.34	10.08	13.5	2	14.41%	Có thể tiếp tục mua
7/1/2020	HAX	12.8	15	11	11.45	30	-10.55%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
6/29/2020	PLP	11.35	13.5	9.5	11.1	32	-2.20%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/26/2020	DGC	39.6	42	33	34.8	35	-12.12%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
6/24/2020	TRC	30.69	38.61	27.23	30.6	37	-0.29%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/18/2020	HPG	21.93	26.18	19.64	21.7	43	-1.05%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
6/16/2020	VHM	74.9	90	70	77.7	45	3.74%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
6/5/2020	VHC	37.2	42	30.5	34.1	56	-8.33%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt				(**) Tiệm cận giá mục tiêu		

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
7/28/2020	SZC	23.1	25.5	21	TP	2	10.39%
7/27/2020	GIL	18.9	20.5	17.5	TP	4	8.47%
7/24/2020	CII	18	22	17	SL	3	-5.56%
7/23/2020	IDJ	13.3	17	12	SL	4	-9.77%
7/22/2020	HAH	10.95	13	10	SL	5	-8.68%
7/21/2020	TDT	10.2	12	9	SL	10	-11.76%
7/20/2020	HT1	14	16	13.5	SL	4	-3.57%
7/17/2020	BFC	12.5	14	11.5	SL	7	-8.00%
7/16/2020	MPC	27.8	33	26	SL	8	-6.47%
7/15/2020	FRT	25.4	29	21.5	SL	12	-15.35%
7/14/2020	DPM	14.9	16	14	SL	10	-6.04%
7/13/2020	GVR	11.9	14	11	SL	14	-7.56%
7/10/2020	KBC	14.45	17	13	SL	17	-10.03%
7/9/2020	KDC	30.5	39	29	SL	18	-4.92%
7/8/2020	GEX	17.9	22	16	TP	9	22.91%
7/7/2020	HDG	20.6	26	19	SL	17	-7.77%
7/6/2020	FPT	46.8	57.2	45	SL	21	-3.85%
7/3/2020	PLC	14.94	16.4	13.2	TP	12	9.77%
7/2/2020	DHC	37.9	40	35	TP	7	5.54%
6/30/2020	TLG	35.9	40	31.5	TP	20	11.42%
Chú thích: Thống kê 20 mã đóng vị thế gần nhất					TP - Đã chốt lời	SL - Đã cắt lỗ	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất khuyến nghị lãi	Hiệu suất khuyến nghị lỗ	Hiệu suất bình quân	Số ngày nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	3	6	6.48%	-5.76%	-1.68%	31
Cổ phiếu đã chốt	9	22	12.15%	-8.34%	-2.39%	13

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2008	725.00	-0.71%	-15.73	-0.2%	344,925	8/20/2020	20
VN30F2009	723.00	-0.66%	-17.73	8.2%	1,511	9/17/2020	48
VN30F2012	720.00	-0.14%	-20.73	-42.4%	133	12/17/2020	139
VN30F2103	716.00	-1.99%	-24.73	6.3%	68	3/18/2021	230

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index giảm 5.29 điểm xuống mức 740.73 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VNM, TCB, HPG, EIB và VCB tác động mạnh đến trạng thái giảm của VN30. Chỉ số VN30 giảm mạnh từ đầu phiên sáng nhưng sau đó có sự hồi phục và dao động sát mốc tham chiếu. VN30 có thể sẽ chưa thiết lập được xu hướng rõ ràng trong những phiên tới.

- Tất cả các HDTL đều giảm điểm đồng thuận với xu hướng chung của chỉ số. Xét về khối lượng giao dịch, VN30F2009 và VN30F2103 tăng, trong khi VN30F2008 và VN30F2012 giảm. Xét về vị thế mở, VN30F2008 và VN30F2009 tăng, trong khi VN30F2012 và VN30F2103 giảm. Điều này báo hiệu những diễn biến khó lường của chỉ số trong thời gian tới. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 740 điểm cho tất cả các hợp đồng.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CMSN2005	10/29/2020	90	5:1	312,150	35.30%	2,100	520	23.81%	186	2.79	70,500	60,000	50,500
CVHM2003	10/29/2020	90	10:1	272,070	38.77%	1,000	1,280	4.92%	1,088	1.18	80,000	70,000	77,700
CREE2004	10/23/2020	84	3:1	116,110	28.58%	1,570	1,620	3.18%	1,267	1.28	34,210	29,500	32,450
CMWG2009	10/23/2020	84	8:1	510,550	41.16%	1,600	610	1.67%	421	1.45	94,800	82,000	74,500
CMWG2007	11/30/2020	122	1:1	47,200	41.16%	12,900	3,700	1.09%	3,272	1.13	99,900	87,000	74,500
CVHM2002	11/30/2020	122	1:1	43,910	38.77%	11,500	8,920	0.22%	7,847	1.14	88,500	77,000	77,700
CMBB2003	11/9/2020	101	1:1	194,460	36.56%	2,000	740	0.00%	519	1.43	20,000	18,000	15,750
CNVL2001	12/16/2020	138	4:1	223,100	17.88%	2,300	2,110	-0.47%	760	2.77	75,088	65,888	65,100
CFPT2003	11/9/2020	101	1:1	38,070	33.46%	7,300	6,580	-1.35%	1,417	4.64	57,300	50,000	44,500
CHPG2005	10/1/2020	62	1:1	17,880	37.86%	2,100	7,870	-2.84%	3,167	2.48	21,100	19,000	21,700
CSTB2004	11/30/2020	122	1:1	131,580	43.19%	1,400	820	-3.53%	716	1.15	12,400	11,000	10,100
CVNM2003	9/4/2020	35	3:1	334,600	33.81%	1,450	1,830	-3.68%	1,392	1.31	107,280	92,780	107,000
CVNM2004	11/30/2020	122	3:1	21,470	33.81%	17,500	8,400	-3.89%	4,866	1.73	133,973	116,473	107,000
CHPG2008	11/30/2020	122	1:1	142,230	37.86%	4,100	2,430	-5.08%	372	6.54	32,100	28,000	21,700
CHDB2006	10/8/2020	69	2:1	106,200	41.18%	2,180	1,080	-6.09%	738	1.46	29,060	24,700	23,950
CFPT2007	10/23/2020	84	5:1	181,490	33.46%	1,690	1,060	-6.19%	719	1.47	51,950	43,500	44,500
CTCB2004	8/18/2020	18	2:1	309,130	38.68%	1,050	870	-6.45%	687	1.27	19,100	17,000	18,150
CHPG2009	10/29/2020	90	2:1	58,450	37.86%	1,600	2,610	-7.77%	695	3.75	25,700	22,500	21,700
CHPG2011	10/20/2020	81	2:1	198,580	37.86%	2,350	1,870	-7.88%	258	7.25	29,900	25,200	21,700
CHPG2010	4/5/2021	248	4.27:1	215,020	37.86%	1,800	970	-9.35%	103	9.39	40,300	33,100	21,700
Tổng				3,259,230	36.17%**								

Chú thích: Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
**Trung bình độ lệch chuẩn

CR: Tỷ lệ chuyển đổi
Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn
*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 31/7/2020, chứng quyền và chứng khoán cơ sở đa số đóng cửa trong sắc đỏ. Giá trị giao dịch không thay đổi nhiều so với phiên hôm trước.

- Về giá, CPNJ2003 và CVJC2001 tăng mạnh nhất lần lượt là 125% và 33.3%, ở chiều hướng ngược lại, CVJC2003 và CMBB2002 giảm mạnh nhất lần lượt là 60.3% và 25%. Thanh khoản thị trường giảm 0.7%. CVNM2003 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 9.47% thị trường.

- Hầu hết chứng quyền đều có giá thị trường cao hơn giá lý thuyết, ngoại trừ CVPB2006. CHPG2005 và CVNM2003 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CHPG2005 và CHPG2006 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

Thực đơn tối thiểu

Một lần tôi cùng vài người bạn đi ăn cơm. Trong lúc chuẩn bị gọi món, người phục vụ nhắc nhở chúng tôi: “Nhà hàng chúng tôi giới hạn mức thực đơn tối thiểu của thực khách phải đạt 2.000 đồng”.

Lúc này một người trong nhóm chúng tôi hỏi: “Một đĩa đậu phụ rán bình thường bao tiền một đĩa?”

“18 đồng ạ”, người phục vụ trả lời.

“ok, vậy gọi cái đó đi, cho 120 đĩa”.

Người phục vụ nghe vậy liền đi ra, một lúc sau người quản lý của họ đi vào và cười nói: “Các vị cứ tự nhiên, bao nhiêu tiền cũng được, không có hạn chế”.

Cảm ngộ chân lý: Muốn phá vỡ các thói quen, phải dùng các biện pháp phi thông thường mới được.



Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	74.5	0.3%	1.2	1,467	2.6	8,348	8.9	2.5	49.0%	33.6%
PNJ	Bán lẻ	51.6	0.2%	1.3	505	1.0	4,629	11.1	2.5	49.0%	23.6%
BVH	Bảo hiểm	40.4	-0.5%	1.3	1,304	1.5	1,307	30.9	1.6	28.2%	5.3%
PVI	Bảo hiểm	30.6	0.7%	0.4	297	0.0	2,654	11.5	1.0	54.4%	8.8%
VIC	Bất động sản	87.5	2.8%	0.8	12,868	3.5	2,255	38.8	3.7	13.9%	9.3%
VRE	Bất động sản	25.1	-3.3%	1.1	2,480	2.6	1,226	20.5	2.1	31.0%	10.3%
VHM	Bất động sản	77.7	1.4%	1.3	11,113	8.1	6,784	11.5	3.7	20.2%	37.0%
DXG	Bất động sản	8.8	-1.1%	1.3	198	0.9	1,672	5.3	0.7	38.3%	11.3%
SSI	Chứng khoán	13.6	-1.5%	1.3	354	1.7	1,415	9.6	0.8	49.2%	7.8%
VCI	Chứng khoán	20.1	-2.0%	1.0	143	0.2	4,240	4.7	0.8	29.0%	18.0%
HCM	Chứng khoán	16.5	-0.6%	1.7	219	0.6	1,608	10.3	1.2	51.8%	11.5%
FPT	Công nghệ	44.5	-1.4%	0.8	1,517	2.2	4,280	10.4	2.1	49.0%	23.4%
FOX	Công nghệ	45.6	-1.7%	0.4	493	0.0	4,812	9.5	2.4	0.0%	28.3%
GAS	Dầu khí	65.5	0.0%	1.5	5,451	0.9	5,138	12.7	2.4	3.3%	20.4%
PLX	Dầu khí	42.2	0.0%	1.5	2,212	0.7	918	46.0	2.7	14.6%	5.2%
PVS	Dầu khí	10.7	-1.8%	1.5	222	0.7	1,301	8.2	0.4	11.4%	5.0%
BSR	Dầu khí	5.9	0.0%	0.8	795	0.5	898	6.6	0.5	41.1%	8.5%
DHG	Dược	91.1	-1.7%	0.5	518	0.0	5,044	18.1	3.7	54.6%	21.2%
DPM	Hóa chất	13.7	-0.4%	0.4	232	0.9	1,586	8.6	0.7	10.8%	8.9%
DCM	Hóa chất	7.9	-1.5%	0.5	182	0.4	709	11.1	0.7	1.8%	5.8%
VCB	Ngân hàng	76.4	-1.3%	1.1	12,320	2.2	4,915	15.5	3.2	23.7%	22.0%
BID	Ngân hàng	36.7	-1.5%	1.4	6,409	0.8	2,153	17.0	1.9	17.7%	12.5%
CTG	Ngân hàng	21.2	-0.7%	1.2	3,432	2.7	2,995	7.1	1.0	30.0%	14.6%
VPB	Ngân hàng	20.2	-0.5%	1.2	2,141	2.2	4,126	4.9	1.0	23.4%	23.5%
MBB	Ngân hàng	15.8	-0.6%	1.0	1,651	1.9	3,497	4.5	0.9	23.0%	20.7%
ACB	Ngân hàng	22.5	-0.4%	1.0	1,627	2.2	3,750	6.0	1.2	30.0%	22.6%
BMP	Nhựa	49.1	-0.6%	0.9	175	0.2	5,760	8.5	1.6	81.9%	18.9%
NTP	Nhựa	28.5	4.8%	0.4	146	0.0	3,348	8.5	1.3	22.6%	16.0%
MSR	Tài nguyên	14.6	-1.4%	0.4	628	0.0	356	41.0	1.2	1.9%	2.9%
HPG	Thép	21.7	-1.8%	1.1	3,126	7.3	3,158	6.9	1.1	35.8%	18.1%
HSG	Thép	9.5	-4.3%	1.5	184	3.7	1,767	5.4	0.7	11.0%	13.6%
VNM	Tiêu dùng	107.0	-1.8%	0.8	8,101	3.9	5,538	19.3	6.2	58.7%	33.0%
SAB	Tiêu dùng	168.0	-1.2%	0.8	4,684	1.5	6,328	26.5	5.8	63.3%	23.7%
MSN	Tiêu dùng	50.5	1.4%	1.0	2,567	4.8	3,255	15.5	2.6	38.7%	13.9%
SBT	Tiêu dùng	13.2	-2.2%	0.8	337	2.0	171	77.3	1.1	5.7%	1.5%
ACV	Vận tải	51.7	-0.2%	0.8	4,894	0.2	3,450	15.0	3.1	3.3%	22.3%
VJC	Vận tải	94.5	-1.6%	1.1	2,152	1.1	7,110	13.3	3.3	18.0%	26.3%
HVN	Vận tải	21.7	-1.4%	1.7	1,338	0.4	1,654	13.1	1.7	9.3%	12.9%
GMD	Vận tải	18.3	-0.5%	0.9	236	0.2	1,377	13.3	0.9	49.0%	6.7%
PVT	Vận tải	9.4	-0.5%	1.1	114	0.1	2,007	4.7	0.6	22.6%	13.8%
VCS	Vật liệu xây dựng	56.2	-1.1%	1.0	379	0.3	8,219	6.8	2.6	2.9%	40.8%
VGC	Vật liệu xây dựng	19.1	1.6%	0.7	372	0.3	1,453	13.1	1.3	10.0%	10.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	12.6	0.0%	1.0	208	0.1	1,937	6.5	0.9	6.4%	13.5%
CTD	Xây dựng	66.8	-2.1%	1.0	222	2.0	8,467	7.9	0.6	46.0%	7.9%
CII	Xây dựng	17.4	-0.6%	0.3	181	0.4	1,615	10.8	0.8	36.5%	8.0%
REE	Điện	32.5	0.0%	-1.4	437	0.6	4,780	6.8	1.0	49.0%	14.8%
PC1	Điện	17.0	-0.6%	-0.4	118	0.2	2,268	7.5	0.8	16.6%	10.7%
POW	Điện	9.2	-1.7%	0.6	932	0.5	1,028	8.9	0.8	11.4%	9.4%
NT2	Điện	20.4	-0.7%	0.6	255	0.1	2,685	7.6	1.3	18.3%	18.0%
KBC	Khu công nghiệp	12.4	-3.5%	0.8	253	1.3	1,242	10.0	0.6	20.9%	6.2%
BCM	Khu công nghiệp	26.1	0.0%	0.9	1,175	0.0	2,332	11.2	1.8	2.1%	17.7%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIC	87.50	2.82	2.32	939040.00
VHM	77.70	1.44	1.05	2.42MLN
NVL	65.10	1.56	0.28	1.83MLN
MSN	50.50	1.41	0.23	2.20MLN
APH	60.30	5.98	0.13	328950.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	gày 04/07/20	Index pt	KLGD
VCB	0.00	-1.06	672940.00	1.11MLN
VNM	0.00	-0.99	839830.00	607060.00
BID	0.00	-0.63	479890.00	373600.00
VRE	0.00	-0.57	2.33MLN	192700.00
TCB	0.00	-0.45	2.30MLN	611640.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HDG	18.40	6.98	0.05	1.89MLN
DAT	53.80	6.96	0.05	10.00
ELC	4.92	6.96	0.01	127940.00
ASM	5.08	6.95	0.02	4.53MLN
LAF	8.02	6.93	0.00	1020.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ITA	3.59	-6.99	-0.07	18.89MLN
TCD	8.65	-6.99	-0.01	10130.00
DAH	5.86	-6.98	0.00	555310.00
EMC	9.77	-6.95	0.00	10.00
TNC	22.10	-6.95	-0.01	750.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SHN	8.00	9.59	0.08	78500.00
NTP	28.50	4.78	0.05	3200.00
HUT	2.00	5.26	0.02	1.99MLN
DNM	66.50	9.92	0.02	32200.00
SCI	38.90	9.89	0.02	68100.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	22.50	-0.44	-0.16	2.22MLN
SHB	11.80	-0.84	-0.15	2.25MLN
PVS	10.70	-1.83	-0.05	1.48MLN
SHS	9.80	-2.97	-0.04	1.78MLN
NVB	8.60	-1.15	-0.04	2.61MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

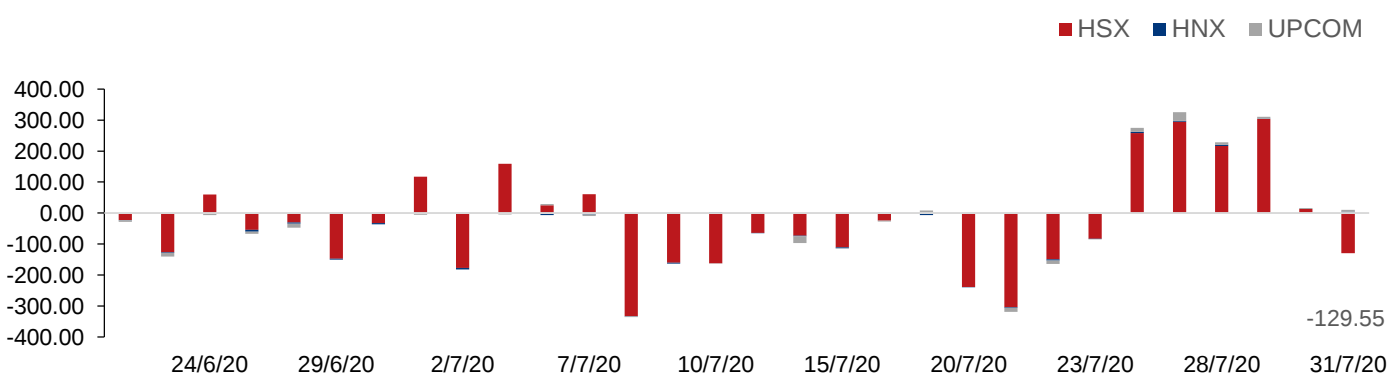
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NHP	0.60	20.0	0.00	87600.00
MCO	2.20	10.0	0.00	700.00
SAF	42.90	10.0	0.01	2500.00
DNM	66.50	9.9	0.02	32200.00
SCI	38.90	9.9	0.02	68100.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HKB	0.60	-14.29	0.00	1.37MLN
FID	0.90	-10.00	0.00	100.00
HBE	7.20	-10.00	0.00	8100.00
DNC	54.90	-9.85	-0.01	100.00
VCM	16.60	-9.78	0.00	200.00

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tài báo cáo
1	NLG	Bất động sản	Mua	24/6/2020	25.0	34.6	25.0	3,321	7.5	1.2	Click
2	VPB	Ngân hàng	Mua	11/6/2020	22.5	29.0	20.2	4,126	4.9	1.0	Click
3	DBC	Thực phẩm	Mua	8/6/2020	54.0	71.3	45.2	9,642	4.7	1.3	Click
4	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/2020	63.9	70.8	50.5	3,255	15.5	2.6	Click
5	DGC	Hóa chất	Theo dõi	3/6/2020	38.9	43.2	34.8	5,365	6.5	1.2	Click
6	HSG	VLXD	Mua	2/6/2020	10.1	12.4	9.5	1,767	5.4	0.7	Click
7	VEA	Ô tô	Theo dõi	27/05/202	40.0	44.2	41.5	5,479	7.6	2.1	Click
8	SZC	Bất động sản	Mua	20/05/2018	18.7	22.2	24.3	1,902	12.8	2.0	Click
9	HPG	VLXD	Mua	20/05/2019	26.2	36.7	21.7	3,158	6.9	1.1	Click
10	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	20/05/2020	21.3	25.0	18.2	3,103	5.8	0.9	Click
11	PNJ	Bán lẻ	Theo dõi	19/5/2020	62.0	64.5	51.6	4,629	11.1	2.5	Click
12	VTP	Viễn thông	Mua	19/5/2020	125.0	145.9	127.4	5,718	22.3	7.8	Click
13	DXG	Bất động sản	Theo dõi	19/5/2020	10.6	15.4	8.8	1,672	5.3	0.7	Click
14	PLC	Dầu khí	Theo dõi	15/5/2020	16.4	18.8	14.6	1,721	8.5	0.8	Click
15	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/2020	27.3	N/a	18.4	7,702	2.4	0.8	Click
16	CSV	Hóa chất	Theo dõi	13/5/2020	20.6	N/a	20.1	5,227	3.8	0.9	Click
17	DGW	Bán lẻ	Mua	13/5/2020	26.9	32.1	38.8	4,761	8.1	1.6	Click
18	VCB	Ngân hàng	Mua	8/5/2020	67.4	90.0	76.4	4,915	15.5	3.2	Click
19	ACB	Ngân hàng	Mua	7/5/2020	20.3	27.0	22.5	3,750	6.0	1.2	Click
20	VHC	Thủy sản	Theo dõi	6/5/2020	29.5	33.8	34.1	6,553	5.2	1.2	Click
21	PHR	Cao su	Mua	20/4/2020	43.7	51.8	50.0	5,877	8.5	2.3	Click
22	FPT	Viễn thông	Mua	14/4/2020	46.4	60.7	44.5	4,280	10.4	2.1	Click
23	GMD	Vận tải	Mua	17/3/2020	16.4	27.2	18.3	1,377	13.3	0.9	Click
24	KBC	Bất động sản	Mua	13/3/2020	12.4	17.1	12.4	1,242	10.0	0.6	Click
25	SAB	Thực phẩm	Theo dõi	13/3/2020	144.0	161.1	168.0	6,328	26.5	5.8	Click
26	KDH	Bất động sản	Mua	3/10/2020	23.0	28.9	22.9	2,041	11.2	1.6	Click
27	VNM	Thực phẩm	Mua	28/2/2020	106.2	127.3	107.0	5,538	19.3	6.2	Click
28	AAA	Nhựa	Theo dõi	26/2/2020	12.6	15.0	10.9	1,407	7.7	0.6	Click
29	MWG	Bán lẻ	Mua	25/2/2020	106.2	171.1	74.5	8,348	8.9	2.5	Click
30	DRC	Cao su	Mua	20/2/2020	23.3	28.8	15.1	2,048	7.4	1.1	Click
31	DHG	Dược	Theo dõi	31/1/2020	93.0	89.5	91.1	5,044	18.1	3.7	Click
32	PVT	Vận tải	Theo dõi	27/12/2019	16.8	20.2	9.4	2,007	4.7	0.6	Click
33	PNJ	Bán lẻ	Mua	2/1/2020	86.5	99.7	51.6	4,629	11.1	2.5	Click
34	QNS	Thực phẩm	Mua	02/01/20202	28.7	35.0	31.5	4,313	7.3	1.5	Click
35	NTC	Cao su	Theo dõi	18/12/2019	170.0	N/a	196.8	14,782	13.3	5.4	Click
36	PVD	Dầu khí	Theo dõi	13/12/2019	14.7	18.9	9.0	0	12.9	0.3	Click
37	TDT	Dệt may	Theo dõi	9/12/2019	11.4	N/a	8.8	1,671	5.3	0.8	Click
38	PC1	Điện	Mua mạnh	2/10/2019	20.0	29.1	17.0	2,268	7.5	0.8	Click
39	VGI	Viễn thông	Theo dõi	12/11/2019	31.4	N/a	24.7	-218	#N/A	2.6	Click
40	TRC	Cao su	Theo dõi	26/9/2019	37.0	N/a	30.6	2,986	10.2	0.6	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	x		Click
2	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	x		Click
3	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	x		Click
4	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020		x	Click
5	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	x		Click
6	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	x		Click
7	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 2.2020	x		Click
8	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	x		Click
9	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector		x	Click
10	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona) và tác động	x		Click
11	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 1.2020	x		Click
12	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020		x	Click
13	BSC_Báo cáo tác động của Virus Corona	x		Click
14	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN		x	Click
15	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	x		Click
16	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 11.2019	x		Click
17	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 10.2019	x		Click
18	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019		x	Click
19	Vĩ Mô & Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	x		Click
20	BSC_Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	x		Click
21	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research_18092019		x	Click
22	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 08.2019_Trước tâm bão chiến tranh thương	x		Click
23	07082019_BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019		x	Click
24	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 07.2019_Không nhiều dư địa tăng	x		Click
25	Vĩ Mô & Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động theo KQKD quý II và	x		Click
26	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA_BSC Research_27062019		x	Click
27	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 05.2019_Kiểm tra và hồi phục từ đáy ngắn	x		Click
28	Báo cáo Tổng kết KQKD Q1.2019_BSC Research_03062019		x	Click
29	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 04.2019_Hồi phục từ vùng tích lũy_20190503	x		Click
30	24042018_BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2019		x	Click
31	Vĩ Mô & Thị Trường Quý I.2019_Nhiều thông tin trọng yếu, diễn biến khó	x		Click
32	Báo cáo Tổng kết KQKD 2018_BSC Research_20032019		x	Click
33	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 02.2019_Biến động giằng co chờ thông tin hỗ	x		Click
34	Vĩ Mô&Thị Trường 2019M1_Tăng điểm từ vùng giá thấp và KQKD cải	x		Click
35	BSC_Vietnam Sector Outlook_2019_VN		x	Click
36	20190110_BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN		x	Click
37	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	x		Click
38	Vĩ mô 2018M11_Giao dịch giằng co, toan tính cho 2019_20181203	x		Click
39	Vĩ mô 2018M10_Xây nền cơ bản, cơ hội phục hồi_20181102	x		Click
40	15102018_BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2018		x	Click

TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER
Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

[Video hướng dẫn sử dụng](#)

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express CTD 2020Q3	7/1/2020	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 100835; Giá tại Publish 74400 Dự báo KQKD: BSC dự báo KQKD CTD 2020 với DT và LNST ước đạt lần lượt là 16,846 tỷ đồng (-29% YoY) và 611 tỷ đồng (-14% YoY), tương đương EPS fw là 7,432 đ/cp - PE fw = 10x; BVPS fw=118,629 đ/cp - PB fw= 0.63x.
Express C4G 2020Q2	6/29/2020	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 7200 Dự báo KQKD: Kế hoạch 2020: Kế hoạch DT và LNST lần lượt 3,050 tỷ (+30% YoY) và 200 tỷ (+116% YoY), tổng sản lượng là 3,000 tỷ đồng. C4G chia cổ tức năm 2020 là 15%. Cập nhật KQKD: Lũy kế tới tháng 6, tổng dự án đang có của C4G đạt 5.200 tỷ đồng bao gồm cả ký mới trong 2020, trong đó một số dự án trọng điểm triển khai trong năm nay bao gồm: Đường Vành đai phía Tây 2 TP Đà Nẵng – Gói thầu 06OFID.EX, Cao tốc Bắc nam đoạn Cam Lộ - La Sơn – Gói thầu số 9, Hàm chui Nguyễn Bân Linh – Gói thầu số 1 và Cải tạo nút giao thông phía tây cầu Trần Thị Lý.
Express KBC 2020Q2	6/29/2020	Dự báo KQKD: Kế hoạch năm 2020, KBC đặt ra 2 kịch bản (1) Phương án khả quan: tổng doanh thu 3,200 tỷ đồng (tương đương 2019), lợi nhuận sau thuế 816 tỷ đồng (-21% yoy) (2) Phương án tích cực: doanh thu dự kiến 3,600 tỷ đồng (+12% yoy), lợi nhuận sau thuế 1,000 tỷ đồng (-4% yoy). Nguồn vốn: tập đoàn dự kiến vay tín dụng hoặc phát hành trái phiếu khoảng 1,500 – 2,000 tỷ đồng để đầu tư các dự án cũ, mới và bổ sung nguồn vốn kinh doanh.
Express SJS 2020Q2	6/12/2020	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 22000 Catalyst: Tổng Công ty Sông Đà có kế hoạch thoái toàn bộ vốn tại SJS. Công ty cho biết hiện đang triển khai rất tích cực, tuy nhiên tại ĐHCĐ không chia sẻ thêm thông tin chi tiết. Theo như chia sẻ trong lần gặp trước đây thì thời điểm dự kiến hoàn tất thoái vốn là Q2/2020.
Express HT1 2020Q2	6/12/2020	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu 13450; Giá tại Publish 13700 Dự báo KQKD: BSC dự báo doanh thu thuần năm 2020 của HT1 đạt 8,387 tỷ đồng (-5.1% yoy) với giả định sản lượng xi măng tiêu thụ đạt 7 triệu tấn (-3% yoy), giá bán bình quân giảm 2% yoy. Giả định giá than giảm 7% yoy, điện (-1% yoy do chính sách hỗ trợ giá điện từ Chính phủ trong Q2/2020), giá các nguyên vật liệu khác giữ nguyên, biên LNG được dự báo giảm từ 17.7% về 16.9%. LNST đạt 692 tỷ (-6.5% yoy), tương đương với EPS = 1,632 đồng/CP (giả định trích quỹ KTPL 10%).

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công

Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Khách hàng tổ chức

Vũ Thanh Phong

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân

Bùi Huy Hiệp

Chức vụ

Phụ trách Trung tâm tư vấn i-Center

Địa chỉ email

hiepbh@bsc.com.vn